

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/DS-PT

Ngày 24 – 02 – 2023

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Hoàng

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hui”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị L, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường là Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1953 (có mặt).

2. Bà Lê Thu B, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh C.

2. Bà Bùi Bảo N, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Nguyễn T, Khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

Cùng công tác tại Công ty TNHH T.

Địa chỉ: Nguyễn Trung T, khóm 5 phường 1 thành phố C.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thu B và ông Lê Văn M là bị đơn vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Sơn Thị L trình bày: Quá trình bà Sơn Thị L làm chủ hội, ông Lê Văn M và bà Lê Thu B có tham gia các dây hội như sau:

- Ngày 02-01-2015 âm lịch, bà L có mở 02 dây hội, loại hội 5.000.000 đồng, 01 năm khai 02 kỳ vào tháng 01 và tháng 8, tiền hoa hồng 1.500.000 đồng. Cụ thể:

Dây thứ nhất: Có 14 phần, ông M bà B tham gia 02 phần, bị đơn hốt vào kỳ khai đầu ngày 02-01-2015 với giá 2.650.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn sau khi trừ hoa hồng là 29.050.000 đồng; phần còn lại hốt vào ngày 02-8-2016 với giá 2.400.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn sau khi trừ hoa hồng là 39.500.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng lại 04 kỳ hội chết (đến tháng 01/2017) thì ngưng, tính từ tháng 8/2017 đến mãn hội tháng 8/2021, bị đơn còn nợ lại 09 kỳ hội chết với số tiền: $09 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 90.000.000 \text{ đồng}$.

Dây thứ hai: Có 15 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, bị đơn hốt vào kỳ khai hội thứ 04, giá 2.300.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn sau khi trừ hoa hồng là 43.200.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng lại 01 kỳ hội chết (tháng 01/2017) thì ngưng, tính từ tháng 8/2017 đến mãn hội tháng 01/2022, bị đơn còn nợ lại 10 kỳ hội chết với số tiền 50.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 26-01-2016 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, 01 năm khai 02 kỳ vào ngày 26 tháng 01 và 26 tháng 8 hàng năm, tiền hoa hồng 1.500.000 đồng, tổng 13 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, bị đơn hốt vào kỳ khai hội thứ 02 ngày 26-8-2016, giá 1.900.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn sau khi trừ hoa hồng là 37.600.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn không đóng hội chết, tính từ tháng 01-2017 đến mãn hội tháng 01-2022, bị đơn còn nợ lại 11 kỳ hội chết với số tiền 55.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 02-12-2018 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, tổng 26 phần, ông M bà B tham gia 03 phần: Phần thứ nhất hốt vào kỳ khai hội thứ 03 ngày 02-02-2019, giá 760.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 31.520.000 đồng; phần thứ hai hốt vào kỳ khai hội thứ 05 ngày 02-04-2019, giá 750.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 33.250.000 đồng; phần còn lại hốt vào kỳ khai hội thứ 08 ngày 02-7-2019, giá 470.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 40.540.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 4-2020 (trước) đến mãn hội tháng 12-2020, bị đơn còn nợ lại 10 kỳ hội chết với số tiền: $10 \text{ kỳ} \times 03 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hội mở ngày 02-9-2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 29 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khai hội thứ 04 ngày 02-12-2018, giá 385.000 đồng, số tiền giao

cho bị đơn là 17.875.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 4-2020 (trước) đến mãn hội tháng 12-2020, bị đơn còn nợ lại 10 kỳ hội chết với số tiền 10.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 02-9-2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 25 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khai đầu ngày 02-9-2018, giá 360.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 14.860.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 4/2020 (trước) đến mãn hội tháng 8/2020, bị đơn còn nợ lại 06 kỳ hội chết với số tiền 6.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 02-9-2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 26 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khai hội thứ 04 ngày 02-12-2018, giá 360.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 16.580.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 04/2020 (trước) đến mãn hội tháng 9/2020, bị đơn còn nợ lại 7 kỳ hội chết với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 02-9-2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 27 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khai hội thứ 06 ngày 02-02-2019, giá 390.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 17.310.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 4/2020 (trước) đến mãn hội tháng 10/2020, bị đơn còn nợ lại 08 kỳ hội chết với số tiền 8.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 02-9-2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 27 phần, ông M bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ đầu ngày 02-9-2018, giá 350.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 16.400.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 4/2020 (trước) đến tháng 10/2020, bị đơn còn nợ lại 08 kỳ hội chết với số tiền 8.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 12-10-2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 24 phần, ông M bà B tham gia 02 phần: Phần thứ nhất hốt vào kỳ đầu ngày 12-10-2019, giá 355.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn sau khi trừ hoa hồng là 14.355.000 đồng, sau khi hốt bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng; phần còn lại hốt vào kỳ khai hội thứ 06 ngày 12-3-2020, giá 330.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 14.230.000 đồng, sau khi hốt bị đơn không đóng hội hết. Tính từ tháng 4/2020 (trước) đến tháng 8/2021, bị đơn còn nợ lại 18 kỳ hội chết với số tiền: 18 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 12-10-2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 26 phần, ông M bà B tham gia 02 phần: Phần thứ nhất hốt vào kỳ đầu ngày 12-10-2019, giá 335.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 15.625.000 đồng; phần còn lại hốt vào kỳ khai hội thứ 06 ngày 12-3-2020, giá 340.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 16.680.000 đồng. Sau khi hốt, bị đơn đóng hội chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, tính từ tháng 04/2020

(trước) đến mãn hạn tháng 10/2021, bị đơn còn nợ lại 20 kỳ hạn chết với số tiền: $20 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 40.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hạn mở ngày 12-10-2019 âm lịch, loại hạn 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng, tổng 25 phần, ông M bà B tham gia 02 phần. Phần thứ nhất hết vào kỳ đầu ngày 12-10-2019, giá 355.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 14.980.000 đồng, sau khi hết, bị đơn đóng hạn chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng; phần còn lại hết vào kỳ khai hạn thứ 06 ngày 12-3-2020, giá 330.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 14.240.000 đồng, sau khi hết, bị đơn không đóng hạn chết. Tính từ tháng 4/2020 (trước) đến mãn hạn tháng 9/2021, bị đơn còn nợ lại 19 kỳ hạn chết với số tiền: $19 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 38.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hạn mở ngày 19-3-2018 âm lịch, loại hạn 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tiền hoa hồng 500.000 đồng. Có 26 phần, ông M bà B tham gia 02 phần: Phần thứ nhất hết vào kỳ đầu ngày 19-3-2018, giá 350.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 17.150.000 đồng; phần còn lại hết vào kỳ khai hạn thứ 06 ngày 19-9-2018, giá 320.000 đồng, số tiền giao cho bị đơn là 18.420.000 đồng. Sau khi hết, bị đơn đóng hạn chết đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng, đến tháng 4/2020 (trước) mãn hạn, bị đơn còn nợ lại 01 kỳ hạn chết với số tiền: $01 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Quá trình tham gia hạn, ông M và bà B đã đóng hạn của tháng 3/2020 đối với tất cả các dây hạn mỗi tháng khai 01 kỳ nhưng còn nợ lại là 17.700.000 đồng và nợ các dây hạn 06 tháng khai 01 kỳ. Nay bà L yêu cầu ông M và bà B trả tổng tiền hạn là 427.000.000 đồng.

- Khoản vay ngày 25-6-2019 âm lịch, bị đơn vay 03 chỉ vàng 24k, lãi 450.000đ/tháng, nhưng không đóng lãi.

- Ngày 16-9-2019 âm lịch, bị đơn vay 25.000.000 đồng, lãi 1.800.000 đồng/tháng, đóng lãi đến tháng 4-2020 (trước) số tiền 12.600.000 đồng, lãi từ tháng 4/2020 sau đến 4/2022 là: $25.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 10.375.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 06-02-2020, bị đơn vay 55.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, bị đơn không đóng lãi, lãi từ tháng 02-2020 đến tháng 4-2022 là: $55.000.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 24.651.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 09-9-2020, bị đơn vay 100.000.000 đồng (gộp của 03 khoản vay khác: Ngày 16-01-2020, vay 20.000.000 đồng, lãi 1.400.000 đồng/tháng; ngày 19-01-2020, vay 20.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng/tháng; ngày 09-9-2020 vay vốn 60.000.000 đồng) và viết chung biên nhận bà B ký, lãi từ 09-9-2020 đến tháng 4-2022 = $19 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng} = 31.540.000 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu này.

Bà L yêu cầu ông M và bà B trả tổng số tiền 542.026.000 đồng (trong đó, tiền hạn 427.000.000 đồng, vốn vay 80.000.000 đồng, khoản lãi 35.026.000 đồng).

Bị đơn là bà Lê Thu B trình bày: Bà B thừa nhận có tham gia và đã hết tất

cả các dây hụi, khi hốt hụi có ký nhận số tiền chủ hụi giao như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà B không thống nhất thời điểm hốt và đóng lại hụi chết cho nguyên đơn, cụ thể:

- Dây hụi mở ngày 02-01-2015 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 năm khui 02 kỳ vào tháng 01 và tháng 8. Đối với dây hụi 14 phần, bà B hốt vào kỳ khui ngày 01-01-2016, giá 2.400.000 đồng, không phải hốt kỳ khui đầu ngày 02-01-2015 với giá 2.650.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đối với dây hụi mở ngày 02-9-2018 âm lịch loại hụi 1.000.000 đồng có 25 phần, không phải 26 phần.

Đối với các dây hụi mùa còn lại gồm: Dây hụi 15 phần, dây hụi mở ngày 26-01-2016 loại hụi 5.000.000 đồng; hụi tháng các dây hụi mở ngày 02-12-2018 âm lịch loại hụi 2.000.000 đồng có 26 phần; các dây hụi loại 1.000.000 đồng mở ngày 02-9-2018 có 29 phần, dây hụi mở ngày 02-9-2018 có 25 phần, dây hụi mở ngày 02-9-2018 có 27 phần, dây hụi mở ngày 12-10-2019 có 24 phần, dây hụi mở ngày 12-10-2019 có 26 phần, hụi mở ngày 12-10-2019 có 25 phần. Tất cả các dây hụi này bà B đã đóng đến hết tháng 8-2020, chỉ còn nợ lại từ tháng 9-2020 đến khi mãn các dây hụi này.

Đối với dây hụi mở ngày 02-9-2018 loại hụi 1.000.000 đồng có 27 phần, sau khi hốt không đóng lại đến 9-2020, còn nợ 01 kỳ 1.000.000 đồng. Các dây hụi loại 1.000.000 đồng còn lại: Dây mở ngày 19/3/2018 có 26 phần, bà B đã đóng đến mãn hụi là tháng 4-2020.

Bà B thừa nhận còn nợ lại tiền hụi chết của tháng 3/2020 với số tiền là 17.000.000 đồng và thừa nhận khoản vay ngày 25-6-2019 ân, vay 03 chỉ vàng 24k; ngày 16-9-2019 vay 25.000.000 đồng, lãi 1.800.000 đồng/tháng, đóng lãi đến tháng 4-2020 (trước) số tiền 12.600.000 đồng; ngày 06-02-2020, vay 55.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, bị đơn không đóng lãi.

Đối với khoản vay theo biên nhận ngày 09-9-2020, vay 100.000.000 đồng bà B không thừa nhận.

Ông Lê Văn M trình bày: Ông M thống nhất với lời trình bày của bà B, không có ý kiến gì khác.

Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Quá trình tham gia các dây hụi, phía bị đơn đã hốt tất cả các dây hụi và bà L đã có biên nhận giao đủ tiền hụi đã hốt. Bị đơn đóng hụi chết của tháng 3-2020 còn nợ lại 17.700.000 đồng, tại phiên tòa bà B thừa nhận chỉ còn nợ lại 17.000.000 đồng nên bà L thống nhất. Việc bà B thừa nhận còn nợ hụi của tháng 3-2020 thể hiện đến tháng 4-2020 bị đơn ngưng đóng hụi của tất cả các dây hụi. Đối với khoản vay tổng số tiền 80.000.000 đồng có làm biên nhận, quá trình vay không đóng lãi từ tháng 4-2020 đến nay; và 03 chỉ vàng 24k bị đơn thừa nhận có vay. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng nguyên đơn đề nghị rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L buộc ông M và bà B có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 542.026.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Quá trình nguyên đơn làm chủ hụi, bị đơn tham gia nhiều dây hụi nên không nhớ

cụ thể đã đóng từng dây hụi và số tiền còn nợ lại. Nay đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn và bị đơn đối chiếu từng dây hụi để xác định số tiền còn nợ lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị L. Buộc ông Lê Văn M và bà Lê Thu B cùng có nghĩa vụ trả cho bà Sơn Thị L tổng số tiền 542.026.000 đồng (Năm trăm bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) (Trong đó: Tiền nợ hụi là 427.000.000 đồng, tiền vốn vay là 80.000.000 đồng, tiền lãi 35.026.000 đồng) và 03 (Ba) chỉ vàng 24k.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Sơn Thị L về việc yêu cầu ông Lê Văn M và bà Lê Thu B trả khoản vay 100.000.000 đồng và khoản lãi 31.540.000 đồng theo biên nhận ngày 09 tháng 9 năm 2020 (âm lịch).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M và bà Lê Thu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 26.288.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng), chưa nộp.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2022, ông Lê Văn M và bà Lê Thu B có đơn kháng cáo, không chấp nhận toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án án sơ thẩm số 118/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Lê Thu B:

[1] Cấp sơ thẩm không công khai chứng cứ đối chiếu chứng cứ, hòa giải, bà Bảnh thừa nhận có nhận giấy triệu tập hai lần, nhưng do bệnh nằm viện nhưng cấp sơ thẩm vẫn đưa vụ án ra xét xử; ông bà có đơn phản tố dây hụi 2.000.000đ ngày 12/10/2020AL tham gia 3 chân đã đóng lần thứ 9 cho nên bà L còn nợ bà 51.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm không đối trừ; cấp sơ thẩm gợi ý cho nguyên đơn rút đơn kiện phần nợ 100.000.000đ; Giấy tính hụi đến tháng 4/2020 AL ông bà còn nợ 38.840.000đ còn cách tính của ông, bà chỉ thừa nhận còn nợ lại 4.075.000đ chưa tính lãi, theo ông bà nếu tính đầy đủ thì chỉ nợ khoảng 200.000.000đ; Phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên nhưng chủ tọa không nói

rõ nguyên nhân, chủ tọa phiên tòa thẩm vấn trước không cho các bên hỏi trước. Cho nên từ các lý do trên yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

[2] Xét thấy bà Lê Thu B vào viện ngày 29/8/2022 khoa y được cổ truyền Bệnh viện Đa khoa huyện Trần Văn Thời theo phiếu tổng hợp chi phí điều trị thì không ghi ngày ra viện, không ghi bệnh án, Y sỹ Huỳnh Văn Đầy ký đóng dấu phòng thu viện phí, bà B thừa nhận có nhận giấy triệu tập hai lần. Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và mở phiên hòa giải ngày 01/8/2022; 16/8/2022 và 30/8/2022 và ngày 06/9/2022 nhưng bà B vẫn không có mặt nên ngày 22/9/2022 đưa ra xét xử lần thứ nhất, đến ngày 30/9/2022 mở phiên tòa xét xử lần thứ hai và các đương sự điều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, cho nên về vấn đề này người kháng cáo đưa ra là không có căn cứ.

[3] Về việc người kháng cáo bị đơn cho là có đơn phản tố ngày 12/9/2022 cấp sơ thẩm không đối trừ của dây hội 2.000.000đ khai ngày 12/10/2020 ăl, bị đơn góp 3 chân đóng hội sống đến lần thứ 9, chủ hội bà L còn nợ lại 51.000.000đ theo đơn kháng cáo. Xét thấy tháng 4/2020 các bên đã không còn giao dịch về hội và bị đơn không còn đóng hội chết cho nguyên đơn, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không có căn cứ, giấy tờ chứng minh bị đơn có giao dịch chơi hội với nguyên đơn dây hội khai ngày 12/10/2020 ăl. Song, đối chiếu tại sổ ghi chép chơi hội của nguyên đơn thể hiện có dây hội khai ngày 12/10/2020 và ông M bà B có chơi 3 chân. Thời điểm này bà B cho là bà đang ở Cần Thơ và do dịch bệnh, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế thời điểm này dịch bệnh bùng phát mạnh tại các tỉnh.

Tại tòa nguyên đơn thừa nhận ông M bà B có đóng 8 kỳ số tiền 48.000.000đ, bị đơn cho là đóng 9 kỳ và trả thêm 6.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng minh cho nên chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn.

Việc nguyên đơn rút một phần đơn kiện số tiền 100.000.00đ và phần lãi, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần khởi kiện này là phù hợp pháp luật vì đây là ý chí tự nguyện của đương sự không có căn cứ hay chứng cứ nào thể hiện việc thẩm phán gợi ý cho nguyên đơn.

Giấy tính hội theo đơn kháng cáo của bị đơn cho là nếu đối chiếu đúng và đầy đủ thì chúng tôi còn nợ lại khoảng 200.000.000đ. Bà B thừa nhận có tham gia chơi và đã hốt tất cả các dây hội, khi hốt hội có ký nhận số tiền chủ hội giao như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà B không thống nhất thời điểm hốt và đóng lại hội chết cho nguyên đơn, hiện nay bà cũng không nhớ cụ thể đã đóng từng dây hội và số tiền còn nợ lại bao nhiêu và cũng không có tài liệu gì để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận dây hội khai ngày 12/10/2020 ăl, bị đơn có chơi 3 chân và có đóng 8 kỳ số tiền là 48.000.000đ và tự nguyện đồng ý đối trừ cho bị đơn đây là sự tự nguyện của đương sự. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền hội 427.000.000 là có căn cứ. Tại tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý đối trừ khoản tiền 48.000.000đ. Vì vậy đối trừ số tiền hội 427.000.000đ-48.000.000đ = 379.000.000đ. Đối với số tiền vay là 80.000.000đ và tiền lãi là 35.026.000đ và 3 chỉ vàng 24K bị đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ nào chứng

minh cho nên cần được giữ nguyên. Như vậy buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 494.026.000đ và 3 chỉ vàng 24K.

[4] Đối với kháng cáo việc phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp dân sự mối quan hệ pháp luật giao dịch về hội giữa các cá nhân và trong vụ án không thuộc trường hợp thu thập chứng cứ, nên không nhất thiết bắt buộc phải có Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa.

Bà B có cho là diễn biến phiên tòa chủ tọa không cho nguyên và bị đơn hỏi với nhau. Xét thấy tại bút ký phiên tòa không có phần nguyên đơn hỏi đáp với bị đơn, xét thấy đây là trình tự thủ tục diễn biến tại tòa, việc thiếu sót này cũng không làm ảnh hưởng nội dung vụ án. Cấp sơ thẩm có thiếu sót khi điều khiển phiên tòa không đúng trình tự cần được rút kinh nghiệm. Ngoài ra phần quyết định bản án cấp sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm trả trong giai đoạn thi hành án là không chính xác, cho nên cần phải điều chỉnh lại cách tuyên đúng qui định.

Tại phiên tòa người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo, các chứng cứ do ông Lê Thanh Đình cung cấp đã có đầy đủ tại hồ sơ thể hiện từ B1 66 - 69 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo

[5] Tại phiên tòa ý kiến đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông M, bà B về miễn án phí, không chấp nhận tiền nợ hội, nợ vay và lãi suất; Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đối trừ 48.000.000đ mà nguyên đơn đã nợ hội bị đơn. Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nên được chấp nhận.

Từ phân tích nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông M, bà B. Sửa một phần bản án sơ thẩm dân sự số 118/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông M, bà B là người cao tuổi nên được xét miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Lê Thu B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị L. Buộc ông Lê Văn M và bà Lê Thu B cùng có nghĩa vụ trả cho bà Sơn Thị L tổng số tiền tiền 494.026.000đ và 3 chỉ vàng 24K (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: Tiền nợ hụi là 379.000.000 đồng, tiền vốn vay là 80.000.000 đồng, tiền lãi 35.026.000 đồng và 03 (ba) chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày Bà Sơn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn M và bà Lê Thu B không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Sơn Thị L về việc yêu cầu ông Lê Văn M và bà Lê Thu B trả khoản vay 100.000.000 đồng và khoản lãi 31.540.000 đồng theo biên nhận ngày 09 tháng 9 năm 2020 (âm lịch).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M và bà Lê Thu B là người cao tuổi được miễn. Bà L đã được miễn dự nộp án phí

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn M và bà Lê Thu B không phải chịu. Ngày 12/10/2022, đã dự nộp số tiền 300.000đ (lai số 0010727) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang